

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30-6-2022
V/v tranh chấp xác định cha cho con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Minh Phương

Bà Khúc Thị Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp về xác định cha cho con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị H, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tuấn V, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lương Văn H1, sinh năm 1995; đăng ký HKTT: Bản C4, xã C, huyện S, tỉnh Lai Châu; hiện trú tại: Bản N, xã C, huyện S, tỉnh Lai Châu; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 08/3/2022, bản tự khai ngày 25/4/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị H trình bày: Chị kết hôn với anh H1 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện S, tỉnh Lai Châu năm 2013. Quá

trình chung sống, chị và anh H1 sinh được 02 con chung gồm Lường Hoàng T, sinh ngày 18/10/2013 và Lường Bảo L, sinh ngày 20/10/2016. Vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2014, mâu thuẫn ngày càng trở lên trầm trọng nên đến khoảng tháng 01/2016 chị phải bỏ về ở nhờ nhà bố mẹ đẻ. Vì vậy, chị và anh H1 sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Đầu tháng 5/2019, chị đi làm công nhân, thuê nhà trọ tại thôn X, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng nên quen biết, phát sinh tình cảm với anh Nguyễn Tuấn V, gia đình hai bên đều biết. Chị nói với anh V về việc chị chưa ly hôn chồng là anh H1, nhưng đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2016, không còn liên hệ, không quan tâm, không có trách nhiệm gì với nhau nữa. Anh V có nói chị làm thủ tục ly hôn anh H1 nhưng vì thời gian đó do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên chị chưa thực hiện được. Cuối tháng 7/2019, chị mang thai với anh V đến ngày 05/4/2020 chị sinh được 01 con gái dự định đặt tên Nguyễn Ngọc Hà A tại Bệnh viện K1, thành phố Hải Phòng. Con gái do chị sinh ra khi chưa ly hôn anh H1 nên anh V không đứng tên cha để làm giấy khai sinh cho con được. Đầu tháng 02/2021, chị làm đơn xin ly hôn anh H1. Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lai Châu đã giải quyết cho chị và anh H1 ly hôn tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2021. Trong quyết định nêu trên không ghi nhận con gái do chị H sinh ra, dự định đặt tên Nguyễn Ngọc Hà A là con chung của chị và anh H1. Sau khi ly hôn anh H1, tháng 5/2021, chị đăng ký kết hôn với anh V tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng.

Để có căn cứ làm giấy khai sinh cho con, chị là người làm thủ tục đề nghị giám định ADN để anh V với con gái được giám định ADN. Tại Phiếu kết quả phân tích AND ngày 27/3/2022 của Công ty Cổ phần dịch vụ phân tích di truyền - Gentis Hà Nội kết luận: Anh V và con gái sinh ngày 05/4/2020, dự định đặt tên Nguyễn Ngọc Hà A có quan hệ huyết thống: Cha - Con. Do vậy, chị vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu Tòa án: Xác định anh Nguyễn Tuấn V là cha đẻ của con gái do chị sinh ra ngày 05/4/2020, dự định đặt tên Nguyễn Ngọc Hà A theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 25/4/2022 và tại phiên tòa, bị đơn anh V trình bày: Thống nhất với chị H về thời gian quen biết, chung sống như vợ chồng với chị H nên khoảng cuối tháng 7/2019 chị H mang thai với anh đến ngày 05/4/2020 sinh được 01 con gái dự định đặt tên Nguyễn Ngọc Hà A tại Bệnh viện K1, thành phố Hải Phòng. Do chị H chưa ly hôn anh H1 nên anh V và chị H không làm được giấy khai sinh cho con theo quy định của pháp luật. Tháng 3 năm 2021, chị H làm đơn xin ly hôn anh H1, Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lai Châu đã giải quyết vụ án và giao 02 con chung của chị H với anh H1 gồm Lường Hoàng T, sinh ngày 18/10/2013 và Lường Bảo L, sinh ngày 20/10/2016 cho anh H1 nuôi dưỡng. Do con gái do chị H sinh ra ngày 05/4/2020, dự định đặt tên Nguyễn Ngọc Hà A là con riêng của chị với anh V nên không được ghi nhận trong quyết định thuận tình ly hôn. Khi anh V đăng ký kết hôn với chị H xong, chị cùng con gái chuyển về sinh sống cùng

anh tại nhà mẹ đẻ anh ở thôn X, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Khi được Tòa án giải thích quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, anh nhất trí với quan điểm của chị H về việc yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xác định anh là cha đẻ của con gái do chị H sinh ra ngày 05/4/2020, dự định đặt tên Nguyễn Ngọc Hà A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lương Văn H1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản tự khai ngày 06/6/2022, thể hiện: Thống nhất với chị H về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, thời điểm phát sinh mâu thuẫn. Anh và chị H sống ly thân nhau từ đầu năm 2016 do chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Đến khoảng đầu năm 2019, chị H đi làm công nhân, thuê nhà trọ tại thành phố Hải Phòng có quen biết và phát sinh quan hệ tình cảm với anh Nguyễn Tuấn V người ở thôn X, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Năm 2019, chị H làm thủ tục xin ly hôn anh H1 nhưng do dịch Covid-19 kéo dài, việc đi lại giữa các tỉnh khó khăn nên đến đầu năm 2021 chị H mới nộp được hồ sơ xin ly hôn anh H1 tại Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lai Châu. Tháng 3/2021, Tòa án đã giải quyết cho anh và chị H ly hôn. Anh được biết ngày 05/4/2020, chị H đã sinh 01 con gái tại Bệnh viện K1, thành phố Hải Phòng. Anh khẳng định con gái do chị H sinh ra khi anh với chị H chưa ly hôn nhưng không phải là con chung của anh chị mà là con riêng của chị H. Nay chị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K xác định anh Nguyễn Tuấn V là cha đẻ của con gái do chị H sinh ra ngày 05/4/2020, anh hoàn toàn nhất trí. Vì lý do anh ở xa nên không đến tham gia hòa giải và tham gia tố tụng tại phiên tòa được. Anh có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi của những người có liên quan.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H1 chưa thực hiện đầy đủ các quyền và không chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ là vi phạm quy định tại các điều 70, 73 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lương Văn H1 vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H1 theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 4 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 88 và khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xác định anh Nguyễn Tuấn V là cha đẻ của con gái do chị H sinh ra ngày 05/4/2020 tại Bệnh viện K1, thành phố Hải Phòng, dự định đặt tên Nguyễn Ngọc Hà A, theo giấy chứng sinh số 127, quyển số 05 ngày 05/4/2020.

Về án phí: Chị H thuộc đối tượng được miễn án phí dân sự sơ thẩm nên chị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; do yêu cầu khởi kiện của chị H được chấp nhận nên anh V phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Lò Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định cha cho con gái do chị sinh ra theo quy định tại khoản 4 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đối với bị đơn anh Nguyễn Tuấn V có nơi cư trú tại thôn X, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng nên xác định đây là "Tranh chấp về xác định cha cho con". Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lương Văn H1 vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự: Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H1.

- Về nội dung:

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị H kết hôn với anh H1 năm 2013, do tự nguyện tìm hiểu và sinh được 02 con chung gồm Lương Hoàng T, sinh ngày 18/10/2013 và Lương Bảo L, sinh ngày 20/10/2016. Quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ đầu năm 2014, mâu thuẫn ngày càng trở lên trầm trọng nên từ đầu năm 2016 chị phải bỏ về ở nhờ nhà cha mẹ đẻ chị tại bản P2, xã P, huyện S, tỉnh Lai Châu. Từ đó anh chị sống ly thân, không ai quan tâm cuộc sống chung. Tháng 5/2019, chị H đi làm công nhân và thuê nhà để ở trọ tại thôn X, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Trong khoảng thời gian sống ly thân với anh H1, chị H quen biết và có quan hệ tình cảm với anh Nguyễn Tuấn V. Khoảng cuối tháng 7/2019, chị H có thai với anh V đến ngày 05/4/2020, chị sinh 01 con gái tại

Bệnh viện K1, thành phố Hải Phòng, dự định đặt tên Nguyễn Ngọc Hà A, theo giấy chứng sinh số 127, quyền số 05 ngày 05/4/2020. Tháng 02/2021, chị làm đơn xin ly hôn anh H1 và được Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lai Châu cho ly hôn tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2021. Trong quyết định này thể hiện giữa chị H và anh H1 chỉ có 02 con chung gồm cháu Lường Hoàng T, sinh ngày 18/10/2013 và cháu Lường Bảo L, sinh ngày 20/10/2016. Sau khi ly hôn anh H1, chị H và anh V đã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xác minh tại UBND xã T về quan hệ hôn nhân giữa chị H với anh V và các vấn đề khác có liên quan theo yêu cầu của đương sự đều phù hợp với nội dung như đã nêu trên. Tại Phiếu kết quả phân tích AND ngày 27/3/2022 của Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền - Gentis kết luận: Anh Nguyễn Tuấn V và con gái sinh ngày 05/4/2020, dự định đặt tên Nguyễn Ngọc Hà A có quan hệ huyết thống Cha - Con. Từ những phân tích trên và theo phiếu kết quả phân tích AND, có đủ cơ sở xác định anh Nguyễn Tuấn V là cha đẻ của con gái do chị H sinh ra ngày 05/4/2020, dự định đặt tên Nguyễn Ngọc Hà A. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị H về việc “Xác định cha cho con” như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 88, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí: Chị H thuộc đối tượng được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên chị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H được chấp nhận nên bị đơn anh V phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào Điều 88 và khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 của Bộ luật Dân sự,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị H, xác định: Anh Nguyễn Tuấn V là cha đẻ của con gái do chị Lò Thị H sinh ra ngày 05/4/2020, dự định đặt tên Nguyễn Ngọc Hà A theo giấy chứng sinh số 127, quyền số 05 ngày 05/4/2020 của Bệnh viện K1, thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí: Chị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh V phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Chị Lò Thị H, anh Nguyễn Tuấn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh Lương Văn H1 có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7^a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K, HP;
- Chi cục THADS huyện K, HP;
- UBND xã T, huyện K, HP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng